

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **16/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 05/4/2021.

V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;

2. Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21/01/2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST - HNGĐ ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1989 (Vắng mặt - có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã XL, huyện YT, tỉnh BG.

* Bị đơn: Anh Thân Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Bản X, xã XL, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa chị Hoàng Thị L trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QL, thành phố LS, tỉnh LS. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh Thân Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Thân Quốc Toàn, sinh ngày 17/9/2012 và cháu Thân An Tường, sinh ngày 06/9/2018, hiện các con chung đang ở với anh T. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 25/01/2021 chị trình bày có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tuy nhiên, ngày 22/02/2021 chị thay đổi lời khai về phần con chung, chị L đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì lý do chị đi làm ăn xa. Trường hợp anh T yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh Thân Văn T trình bày: Anh và chị L có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân QL, thành phố LS, tỉnh LS. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2020 thì chị L bỏ đi chỗ khác ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn chị L. Anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp phải ly hôn anh đồng ý để chị L được trực tiếp nuôi cả hai con chung vì lý do anh đi làm xa không có điều kiện chăm sóc các con. Chị L không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản xác minh với chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh T, chị L sinh sống xác định: Anh T, chị L kết hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 12/2020 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị L đã không còn chung sống với anh T từ tháng 12/2020 đến nay, từ khi chị L bỏ đi thì không về nhà anh T lần nào nữa.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên, có vi phạm trong việc chuyển chậm hồ sơ cho Viện kiểm sát. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay không ai quan tâm ai, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị L

được ly hôn anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị HĐXX:

- + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị L xin ly hôn anh T.
- + Về con chung: Giao cháu Thân Quốc Toàn, sinh ngày 17/9/2012 cho anh T nuôi dưỡng. Giao cháu Thân An Tường, sinh ngày 06/9/2018 cho chị L nuôi dưỡng. Anh T và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.
- + Về tài sản, công nợ chung: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
- + Về án phí: Miễn án phí cho chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung với anh T, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn là chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Canh Nậu, huyện YT. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Chị L xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì chị L và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay không đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

- Về việc nuôi con chung: Cả chị L và anh T đều không muốn nuôi con chung, cả hai đều muốn bên còn lại nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng. Cháu Toàn có nguyện vọng xin được với mẹ, tuy nhiên hiện cháu Toàn vẫn đang sinh sống ổn định tại gia đình anh T nên cần giao cháu Toàn cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; Cháu Tường còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một con nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, ruộng canh tác và công nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị L thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số (Nùng) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Thân Văn T.

3. Về con chung: Giao cháu Thân Quốc Toàn, sinh ngày 17/9/2012 cho anh Thân Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Thân An Tường, sinh ngày 06/9/2018 cho chị Hoàng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

4. Về tài sản, công nợ chung và ruộng canh tác: Chị Hoàng Thị L và anh Thân Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tiền án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị L.

6. Quyền kháng cáo: Dương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã QL, TP LS, tỉnh LS.
- Các đương sự.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Hùng